

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 3 - 2025

V/v tranh chấp về nuôi con của
nam, nữ chung sống với nhau như
vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Xuân Vinh và Ông Nguyễn Duy Phú.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Lực - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 92/2024/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024, về việc “Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm: 1993; nơi cư trú: tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn X, sinh năm: 1996; nơi cư trú: tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

- Chị và anh Nguyễn Văn X chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2021, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống với nhau tại nhà anh X, đến năm 2024 thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh X đuổi chị không cho sống chung và giữ con nên chị phải về nhà bố mẹ để sinh sống. Từ đó anh chị sống riêng không còn liên quan đến tình cảm, kinh tế. Xác định tình cảm không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh X.

- Về con chung: Chị và anh X có 01 con chung tên là Trần Hằng N, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2022; chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được nuôi con, không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định quá trình sống chung với anh X không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn X:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; các lần Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập để anh X tham gia tố tụng nhưng anh X không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án tiến hành xác minh, kết quả như sau:

Tại Công an phường Q, thị xã B xác định: “Công dân Nguyễn Văn X, sinh năm 1996; có số định danh 044095006349; đăng ký cư trú tại tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; hiện có mặt, sinh sống tại địa phương”.

Tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã B xác định: “Ủy ban nhân dân phường đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập các lần đến hòa giải tại Tòa án. Sau khi nhận được các văn bản trên, đã cử cán bộ tổng đạt trực tiếp cho anh Nguyễn Văn X”.

Tại tổ dân phố T, phường Q, thị xã B xác định: “Anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1996; có đăng ký cư trú tại xóm G, tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình hiện đang sinh sống tại địa phương. Anh X và chị H có đăng ký kết hôn hay tổ chức cưới hay không thì ban chấp hành thôn không rõ nhưng hai bên có chung sống với nhau vào năm 2021 tại gia đình của anh X. Quá trình chung sống anh chị có 01 đứa con, khoảng 03 năm chung sống thì chị H rời khỏi địa phương, đi đâu không rõ. Cháu bé vẫn ở với gia đình anh X, việc anh X, chị H mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì ban chấp hành thôn không rõ”.

Toà án Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập đương sự đến phiên toà nhưng anh X vắng mặt nên hoãn phiên tòa. Toà án mở phiên tòa lần hai, tiếp tục triệu tập anh X đến tham gia phiên tòa nhưng anh X vẫn vắng mặt, các lần mở phiên tòa đã được Tòa án triệu tập và niêm yết hợp lệ.

Tại phiên Tòa:

- Chị Trần Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung gì thêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện nghĩa vụ, vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về “Mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn X. Giao con Trần Hằng N, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2022 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Buộc chị H phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

- Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Văn X có đăng ký cư trú tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình; căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Văn X vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn X chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2021 trên cơ sở tự nguyện nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý”. Vì vậy, quan hệ giữa

chị H và anh X không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, chị H và anh X đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm lối sống, không có sự thông cảm, chia sẻ với nhau. Đến nay chị H và anh X đã không sống cùng với nhau, không còn quan hệ về tình cảm, kinh tế. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn X là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về việc nuôi con: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn X có 01 con chung tên là Trần Hằng N, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2022. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được nuôi con, không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy trong quá trình Tòa án giải quyết, anh X không có mặt, không thể hiện có yêu cầu về việc nuôi con. Xét con chung đang còn nhỏ, giao con cho mẹ nuôi dưỡng là phù hợp. Căn cứ các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung Trần Hằng N cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Chị H không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên Tòa là phù hợp.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị H chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 9, Điều 14; Điều 15; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về “Mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn X.

2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn X.

3. Về việc nuôi con: Giao con Trần Hằng N, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2022 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi cho đến khi con tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Trần Thị H không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Án phí: Chị Trần Thị H chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003445 ngày 28/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử sơ thẩm (28/3/2025). Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

6. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Anh Đức